

Bản án số: 59/2019/HS-ST

Ngày: 15 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình

Bà trình Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hà - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2019/ TLST-HS, ngày 27 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Xuân P.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 01/5/1987.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Tuần, xã Đắc Sơn, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Vũ Xuân Ph, con bà: Chu Thị X; Bị cáo là con duy nhất; Có vợ là Diêm Thị Hường, và có 01 con; Tiền sự: Không có.

Tiền án: 03 tiền án.

Tại Bản án số 69/2011/HSST ngày 20/12/2011 TAND huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) xử phạt Vũ Xuân P 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Tại Bản án số 34/2015/HSST ngày 22/4/2015 TAND huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) xử phạt Vũ Xuân P 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản án số 30/2017/HSST ngày 30/3/2017 TAND thị xã Phổ Yên xử phạt Vũ Xuân P 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Tại Bản án số 110/2019/HSST ngày 29/8/2019 TAND thị xã Phổ Yên xử phạt Vũ Xuân P 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 25/5/2019 P bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên khởi tố điều tra về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện vụ án đang trong giai đoạn thụ lý giải quyết.

Ngày 09/7/2019 P bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên khởi tố điều tra về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện vụ án đang trong giai đoạn thụ lý giải quyết.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong vụ án khác - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Hiến C.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 30/12/1993.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Tuần, xã Đắc Sơn, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trần Hiến Th, con bà: Trần Thị T; Bị cáo là con duy nhất; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 110/2019/HSST ngày 29/8/2019 TAND thị xã Phổ Yên xử phạt Trần Hiến C 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 25/5/2019 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên khởi tố điều tra về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện vụ án đang trong giai đoạn thụ lý giải quyết.

Ngày 09/7/2019 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên khởi tố điều tra về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện vụ án đang trong giai đoạn thụ lý giải quyết.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong vụ án khác - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1997.

Trú tại: Xóm V3, xã V, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại:

Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1977/ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm V3, xã V, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1994/ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm T, xã Đ, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

Anh Trương Văn Th, sinh năm 1993/ vắng mặt.
Trú tại: Xóm T, xã Đ, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7h sáng ngày 25/4/2019 Vũ Xuân P gọi điện thoại rủ Trần Hiền C đi tìm tài sản sở hữu để trộm cắp mang bán để lấy tiền chia nhau thì C đồng ý. Sau đó C lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 20H1-425.68 của bà Trần Thị Thơm (mẹ đẻ của C) đến đón P, P mang theo 01 chiếc chìa khóa và 01 chiếc văm phá khóa hình chữ T rồi cả hai đi theo hướng xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên. Khi đi qua xóm Vinh Quang 3, xã Vinh Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên thì cả hai phát hiện tại sân phía trước hiên nhà ông Ngô Văn Đoàn có 01 chiếc xe mô tô (sau xác định là xe Yamaha - Sirius BKS 20B2-036.66 của anh Ngô Văn Đ con trai ông Đoàn) để ở trước hiên nhà. Quan sát thấy cổng khóa và không có người trông coi, P bảo C dừng xe lại phía trước cổng nhà để cảnh giới, còn P xuống xe dùng chìa khóa cắt khóa cổng rồi vào trong hiên nhà dùng “Văm chữ T” phá ổ khóa điện rồi nổ máy và điều khiển xe mô tô trộm cắp được ra khỏi nhà. Thấy P lấy được xe đi ra, C điều khiển xe mô tô đi theo sau, khi đi đến khu vực Đền Lục Giáp thuộc xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, P và C dừng xe ở bên bờ sông, P tháo biển kiểm soát, gương chiếu hậu của chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được và ném xuống sông cùng chiếc văm phá khóa để tránh bị phát hiện. Sau đó, P gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu Đông (sinh năm 1994, trú tại xóm Tuần, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên) gạ bán chiếc xe trên và hẹn đến Đền Lục Giáp để trao đổi mua, bán. Tại đây, sau khi gặp nhau và kiểm tra xe, Đông đồng ý mua chiếc xe với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và đưa trước 3.500.000 đồng, khoảng hai tuần sau Đông trả tiếp cho P 400.000đ. Tổng cộng số tiền P bán xe cho Đông là 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng), P chia cho C 1.750.000 đồng và cả hai tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG ngày 13/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận giá trị của tài sản: *01 xe mô tô Sirius, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng đen. BKS 20B2-036.66 (đã qua sử dụng) trị giá là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng chẵn).*

Ngày 08/6/2019, khi biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha -Sirius, màu trắng-đen, không có biển kiểm soát mua của Vũ Xuân P là do P trộm cắp mà có nên

anh Đông đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 20B2-036.66 được cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và trả lại cho người bị hại quản lý, sử dụng. Đối với kìm sắt và vạm phá khóa chữ T; 01 BKS - 036.66 và 02 chiếc gương chiếu hậu của xe mô tô đến nay không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Văn Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác. Anh Nguyễn Hữu Đông không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 59/KSĐT ngày 26/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Vũ Xuân P và Trần Hiền C ra trước TAND thành phố Sông Công để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, kết luận hành vi của bị cáo Vũ Xuân P và Trần Hiền C đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân P và Trần Hiền C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 38, 58 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Xuân P từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 38, 58 BLHS xử phạt bị cáo Trần Hiền C từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào nên không đặt ra giải quyết.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền **3.900.000 đồng** của các bị cáo do phạm tội mà có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định. Tuyên các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.*

[2]*Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác.

Như vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 25/4/2019 tại xóm Vinh Quang 3, xã Vinh Sơn, thành phố Sông Công, Thái Nguyên, Vũ Xuân P và Trần Hiền C đã cùng nhau trộm cắp của anh Ngô Văn Đ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 20B2-036.66 trị giá **18.000.000đ** (Mười tám triệu đồng chẵn) mang bán lấy tiền chia nhau tiêu sài.

Bị cáo Vũ Xuân P có 03 tiền án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do đó hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Xuân P đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015. Hành vi của bị cáo Trần Hiền C đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015. Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng”.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS viện dẫn ở trên.

[3]*Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Xuân P và Trần Hiền C là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật

bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an ở địa P. Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung đối với mọi người.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo P có bố là thương binh hạng 4/4 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó trong lượng hình, HĐXX đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với các bị cáo.

[4]*Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có điều kiện, khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]*Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền **3.900.000 đồng** của các bị cáo thu lợi bất chính do phạm tội mà có.

[7]Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính là phù hợp với tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo và pháp luật nên cần chấp nhận.

[8]*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này có Nguyễn Hữu Đông là người mua xe mô tô từ P, nhưng Đông không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Vũ Xuân P và Trần Hiền C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 38, 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Vũ Xuân P 03** (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Vũ Xuân P bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 38, 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Hiền C 02** (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Hiền C bị bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền **2.150.000 đồng** của bị cáo Vũ Xuân P thu lợi bất chính do phạm tội mà có.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền **1.750.000 đồng** của bị cáo Trần Hiền C thu lợi bất chính do phạm tội mà có.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Xuân P và Trần Hiền C mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND TP. Sông Công;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Sông Công;
- CQTHAHS Công an TP. Sông Công;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CC T.H.A DS TP. Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu Nhường

